

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2022

Về: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83A/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: Xã P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xã P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa bà Trần Thị N trình bày: Bà N với ông Phạm Văn H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ràng buộc áp đặt.

Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân: tính tình không hòa H, quan điểm bất đồng, do ông H có tính ham chơi nên không chịu làm ăn và không có trách nhiệm đối với gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 01 con Phạm Anh D, sinh ngày 09-10-2014. Bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông với bà Trần Thị N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại xã H với gia đình bên vợ. Cuộc sống chung không hạnh phúc là do lỗi của bản thân ông H ham chơi nên không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Nay ông H nhận thấy được sai trái của mình xin vợ tha thứ để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo con con cái. Tại Tòa ông H cam kết bỏ đi chơi cùng vợ đi làm. Nếu bà N không chấp nhận yêu cầu của ông H thì ông H từ chối nhận bất kỳ văn bản tố tụng do Tòa án cấp phát. Đặt trường H phải giải quyết ly hôn về tài sản chung và nợ chung: không có nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung, ông H đồng ý giao con cho bà N nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đến Tòa trình bày ý kiến được công bố ý kiến của mình nhưng ông H từ chối không ký tên vào văn bản tố tụng nên không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn H, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H sinh sống tại huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 177 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Phạm Văn H sống chung từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân H pháp. Theo bà N ông H xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc xuất phát do lỗi của ông H ham chơi và không chịu đi làm cùng bà N xây dựng hạnh phúc gia đình. Do ông H hứa nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi tính cách, do đó bà N kiên quyết ly hôn. Về phía ông H, mặc dù không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm của vợ chồng và không chịu H tác để giải quyết vụ án lại vắng mặt, chứng tỏ ông H không muốn duy trì cuộc sống chung với bà N. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi con ông H đồng ý nên giao con cho bà N nuôi là phù H. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Sau này bà N, ông H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Phạm Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con Phạm Anh D, sinh ngày 09-10-2014 cho bà N được tiếp tục nuôi. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường H có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị N nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008773 ngày 07-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND xã H, huyện Đ
- tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Trúc